

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Pho

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huy Xuân

Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ 40, ấp T, xã Quảng Th, huyện Châu Đ, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ 40, ấp T, xã Quảng Th, huyện Châu Đ, tỉnh B.

(Bà T, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà T và ông S chung sống tại địa chỉ tổ 40, ấp T, xã Quảng Th, huyện Châu Đ, tỉnh B.

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông S thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, không tin tưởng nhau, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông S cho rằng bà T có tình cảm với người đàn ông khác, nhiều lần ông S đánh đập bà T. Bà T

đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nhưng không thành. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu tuyên bố giữa bà T và ông S không phải quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa bà T và ông S có 02 người con chung là Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/9/2000 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 06/11/2008. Hiện nay cháu L đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu tòa án giải quyết, còn cháu Y bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại các biên bản làm việc tại Tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc S thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay, bà T xin tuyên bố quan hệ giữa bà T với ông S không phải quan hệ vợ chồng thì ông S đồng ý vì xét thấy mâu thuẫn giữa ông và bà T cũng không hàn gắn được.

Về con chung: Ông S đồng ý giao cho bà T nuôi dưỡng cháu Y. Ông S không cấp dưỡng nuôi con vì bà T không yêu cầu, còn cháu Nguyễn Hải L đã trưởng thành, sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà T và ông S đều yêu cầu Tòa tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S không phải là quan hệ vợ chồng nên căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cần phải tuyên bố quan hệ giữa bà T và ông S không phải là quan hệ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn nay bà T yêu cầu tuyên bố không phải quan hệ vợ chồng nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Ngọc S là xã Quảng Th, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T, ông S

có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử là đúng theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S sống chung với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà T và ông S đã ly thân nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì giữa hai người cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm vì cho rằng tình cảm không còn nữa. Nay, bà T và ông S đều yêu cầu Tòa tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S không phải là quan hệ vợ chồng nên căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cần phải tuyên bố quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà T và ông S có 02 người con chung là: Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/9/2000; Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 06/11/2008. Cháu Nguyễn Hải L đã trưởng thành, sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà T và ông S thỏa thuận bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 06/11/2008 đến tuổi trưởng thành. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp vì hiện cháu Y đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng xin được sống với bà T, nên cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung: Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S không phải là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S có 02 người con chung là: Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/9/2000 và cháu Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 06/11/2008. Cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/9/2000 đã trưởng thành, sống tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Hải Y, sinh ngày 06/11/2008 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Nguyễn Ngọc S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc S được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0008830 ngày 24/4/2019. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/6/2019); Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc S vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA.tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND H. Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Thành, huyện Châu Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hữu Pho